

Bản án số: 35/2025/DS-PT
Ngày: 18 tháng 02 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên **tòa: Ông Lại** Hiệp Phong.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng và bà Đào Nữ **Ngọc Lan**.

- **Thư ký phiên tòa: Bà** Nguyễn **Dương** Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc **thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2024/TLPT-DS** ngày 04 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 346/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 353/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 415/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên **tòa số 10/2025/QĐPT-DS** ngày 16 tháng 01 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2025/QĐPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Đặng Thành C, sinh năm 1948; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Phùng Thanh H, sinh năm 1969; nơi cư trú: khóm Đ, thị trấn N, huyện T, **tỉnh An Giang** (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2024) (có mặt).

2. Bị đơn: bà Phan Thị Đ, sinh năm 1954; nơi cư trú: ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Phạm Thái B sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A địa chỉ: Tổ D, khóm **H, thị trấn A, huyện C**, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người làm chứng:

- Bà Đặng Thị Huỳnh N6, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang ở hiện nay: Tổ C, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang(có mặt).

- Ông Trần Tấn L năm 1985; nơi cư trú: ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang ở hiện nay: Tổ C, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên **Giang**(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 8/7/2014 của ông Đặng Thành C và lời khai tại phiên tòa hôm nay đại diện uỷ quyền của nguyên đơn ông Phùng Thanh H trình bày: Từ tháng 11 năm 2019 đến ngày 20/12/2021, bà Phan Thị Đ1 hỏi mượn tiền ông C tổng cộng 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Ông có làm 02 biên nhận nợ. Bà Đ2 nhiều lần nhưng không trả số tiền trên. Nay ông Đặng Thành C1 cầu bà Đ3 số tiền 600.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20/12/2021 cho đến ngày xét xử.

Đối với bị đơn bà Phan Thị Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà Phan Thị Đ4 vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải. Tòa án tiến hành xác minh sự vắng mặt của bà Phan Thị Đ. Qua xác minh tại địa phương thì bà Phan Thị Đ4 còn hộ khẩu tại ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang nhưng bà Đ5 mặt tại nhà nên không lấy lời khai lại được.

Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thành C
2. Buộc bà Phan Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Thành C2 cộng số tiền là 612.118.000 đồng (sáu trăm mười hai triệu một trăm *mười tám ngàn đồng*).
3. *Kể từ ngày bản án*, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 14 tháng 10 năm 2024, bà Phan Thị Đkháng C3 yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng **cáo**, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét lại trách nhiệm trả tiền vay. Bà cho rằng bà không vay tiền của ông C Số tiền nợ do ông L bà N vay. Do khi ông C4 nhà thì không gặp ông L1 ông C1 cầu bà ký vào biên nhận nợ. Bà không biết vợ chồng ông L2 của ông C5 nhiều tiền và bà cũng không nhận tiền từ ông C.

- Nguyên đơn giữ nguyên trình bày như ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng **xét** xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Ông Trần Tấn L3 bà Đặng Thị Huỳnh Nxác Đ6: vợ chồng ông vẫn còn sống chung. Trước đây, vợ chồng ông L3 bà Đ1 bàn bạc hỏi mượn tiền ông C6 mua máy cày phục vụ canh tác đất ruộng của gia đình và đất ruộng của cha mẹ (ông N1 bà Đ). Hàng tháng, bà N1 trả tiền lãi cho ông C. Nguồn tiền trả lãi từ thu nhập của ông L4 ruộng có được. Ông L5 nhận có nợ tiền và đồng ý trả cho ông C

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ7 rằng: Tại phiên toà, bà Đ8 định không vay tiền của ông C7 không nhận tiền vay như ông C8 bày. Bà N2 nhận có nhận tiền vay từ ông C9 cho bà Đ, nhưng không được bà Đ9 nhận, và bà N3 tiếp trả tiền lãi cho ông C Nguồn tiền trả lãi từ ông L6 trả. Đồng thời, ông L5 nhận do làm ăn thua lỗ nên không có điều kiện trả lãi cho ông C10 ông C11 cứ vào biên nhận do bà Đ10 tên khởi kiện. Ông L7 ý trả số tiền còn nợ của ông C12 khác, ông C7 thừa nhận sau khi cho mượn tiền, ông cùng với ông sui là ông N7(chồng bà Đ11 mua máy cày phục vụ sản xuất lúa. Do đó, có cơ sở xác định do tình nghĩa sui gia nên bà Đ12 ký tên nhận nợ nhưng thực tế bà Đ13 vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Đ5 mặt, không cung cấp chứng cứ và không tham dự các phiên hoà giải, phiên toà nên cấp sơ thẩm không thể làm rõ nghĩa vụ trả nợ vay. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để đổi chất làm rõ nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền trên biên nhận nợ giữa bà Đ14 ông C

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, phúc xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Đ. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Bị đơn bà Phan Thị Đ có đơn kháng cáo và được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc **thẩm**, theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1.2. Tại phiên tòa, ông C13 người đại diện theo uỷ quyền của ông là ông Phùng Thanh H xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Phan Thị Đ phải lại cho ông Đặng Thành C14 tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà Phan Thị Đ đều cho rằng khoản vay 600.000.000 đồng là do vợ chồng ông Lbà N4 để mua máy móc phục vụ sản xuất lúa, bà chỉ ký tên vào biên nhận tạo niềm tin với ông C15 đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, ông Trần Tấn L8(con bà Đ15 bà Đặng Thị Huỳnh N6(con ông C16 định vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau. Trước đây, vợ chồng có bàn bạc với bà Đ16 tiền của ông C6 mua máy cày và máy xới, phục vụ cho việc canh tác đất ruộng của gia đình và phục vụ sản xuất lúa trên đất ruộng của cha mẹ (bà Đ, ông N7. Sau khi vay, thì bà N5 tiền lãi trực tiếp cho ông C17 gốc số tiền lãi là tiền ông L9 được từ việc canh tác lúa. Bà N1 nhận số tiền 300.000.000 đồng của ông C13 đã giao lại cho gia đình chồng. Sau đó, ông N7 (cha của ông L cùng ông C18 mua máy cày phục vụ sản xuất lúa. Ngoài ra, ông L10 thừa nhận do sản xuất lúa bị thua lỗ nên không có khả năng trả tiền gốc, tiền lãi cho ông C10 ông C19 khởi kiện.

Như vậy, để xác định ai là người vay tiền của ông C20 giao nhận tiền vay cụ thể ra sao, xác định người có nghĩa vụ trả nợ vay... thì cần thiết phải lấy lời khai của ông Trần Tấn L8(con bà Đbà Đặng Thị Huỳnh N6(con ông C và ông Trần Tấn N7(chồng bà Đ– trực tiếp nhận tiền đi mua máy). Thông qua đó, xác định và đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người làm chứng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 và Điều 77 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai của những người này để làm rõ.

[4] Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Đ5 mặt, không cung cấp chứng cứ và không tham dự các phiên hoà giải, phiên toà nên Toà án cấp sơ thẩm không thể làm rõ được nội dung vụ án. Do đó, lời trình bày của bà đẹp, ông L11 N tại phiên toà phúc thẩm là tình tiết mới phát sinh mà Tòa án cấp sơ thẩm không thể biết được dẫn đến việc không xem xét, xác định đưa họ vào tham gia tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung, khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết, xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Đ thuộc về nội dung giải quyết vụ án sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong quá trình giải quyết, xét xử lại vụ án.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là ông Đặng Thành C với bị đơn là bà Phan Thị Đ; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang để giải quyết, xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Phan Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hiệp Phong

Nơi nhận:

- TAND *cấp* cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TX.Tỉnh
Biên;
- Chi cục THA-DS TX.Tỉnh Biên;
- Phòng KTNV& THA;
- **Tòa Dân sự;**
- **Văn phòng;**
- **Đương sự.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
***THẨM PHÁN* – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong